

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 6 – 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Văn Thanh.

Ông Nguyễn Phước .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05/01/2024, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thùy T, sinh ngày 1991. Địa chỉ: số nhà H, ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Võ Hoàng T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: số H đường Q, Khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn bà Ngô Thùy T trình bày:

Chị Ngô Thùy T và anh Võ Hoàng T1 kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/02/2021. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Hiện nay chị T và anh T1 không còn chung sống cùng nhau.

Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Võ Hoàng T2, sinh ngày 30/12/2022, hiện đang sống cùng chị T.

Về tài sản chung: chị T và anh T1 tự thỏa thuận.

Trong quá trình chung sống, anh chị không có nợ chung.

Nay chị Ngô Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thùy T xin được ly hôn với anh Võ Hoàng T1.

Về con chung: Chị Ngô Thùy T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Hoàng T2, sinh ngày 30/12/2022 cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Võ Hoàng T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Hoàng T1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không có ý kiến.

- Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh: Bị đơn không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn trình bày. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Hoàng T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đơn sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thùy T và anh Võ Hoàng T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2021 và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, anh chị đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo lời trình bày của chị T và Giấy chứng sinh ngày 05/01/2023 thể hiện trong thời gian chung sống, anh chị có một người con chung là cháu Võ Hoàng T2, sinh ngày 30/12/2022, từ nhỏ đến nay cháu T2 ở cùng mẹ. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 đến khi đủ 18 tuổi.

Nhận thấy, từ khi anh T1 và chị T sống riêng đến nay, cháu T2 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cháu T2 dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình *“con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”* nên việc chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T và các thành viên gia đình không ai được cản trở anh T1 trong việc thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thùy T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Ngô Thùy T và anh Võ Hoàng T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Ngô Thùy T xác định không có nợ chung với anh Võ Hoàng T1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng chị T đã tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001381 ngày 22/12/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Anh Võ Hoàng T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thùy T.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thùy T và anh Võ Hoàng T1 được ly hôn.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Võ Hoàng T2, sinh ngày 30/12/2022 (theo Giấy Chứng sinh ngày 05/01/2023 của Bệnh viện CK Sản – Nhi S) cho chị Ngô Thùy T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Chị Ngô Thùy T và các thành viên gia đình không ai được cản trở anh Võ Hoàng T1 trong việc thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Chị Ngô Thùy T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung: Chị Ngô Thùy T và anh Võ Hoàng T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về nợ chung: Chị Ngô Thùy T xác định không có nợ chung với anh Võ Hoàng T1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thùy T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001381 ngày 22/12/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Anh Võ Hoàng T1 không phải chịu án phí.

6/. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trúc Phương